

CẤU TRÚC BỘ LUẬT THƯƠNG MẠI ĐỨC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

● PHAN THỊ LINH GIANG¹ - PHAN MAI ANH¹

¹Trường Đại học Luật Hà Nội

DOI: <https://doi.org/10.62831/202501014>

TÓM TẮT:

Bài viết nghiên cứu và phân tích cấu trúc của Bộ luật Thương mại Đức, làm rõ sự logic và hiệu quả trong việc áp dụng; từ đó, đưa ra một số kinh nghiệm để sửa đổi cấu trúc Luật Thương mại Việt Nam 2005.

Từ khóa: cấu trúc luật thương mại, tái cấu trúc, Bộ luật Thương mại Đức, Luật Thương mại Việt Nam 2005.

1. Đặt vấn đề

Sau gần 20 năm thực hiện, Luật Thương mại Việt Nam 2005 đã bộc lộ nhiều hạn chế, đặc biệt là sự thiếu đồng bộ trong cấu trúc, gây khó khăn cho việc áp dụng và sử dụng pháp luật trong các quan hệ thương mại. Trong khi đó, Bộ luật Thương mại Đức (HGB) ra đời năm 1897, là một trong những bộ luật thương mại lâu đời và bền vững, được áp dụng trong nhiều giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của nước Đức. Sự ổn định và hiệu quả của HGB không chỉ phản ánh ở nội dung, mà còn ở cấu trúc chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng trong thực tiễn. Do đó, cấu trúc của HGB là một hình mẫu đáng để nghiên cứu, đặc biệt khi so sánh với Luật Thương mại Việt Nam 2005.

Vì vậy, nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu cấu trúc của HGB nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm phục vụ cho việc sửa đổi và hoàn thiện cấu trúc Luật Thương mại Việt Nam.

2. Khái quát về lịch sử hình thành Bộ luật Thương mại Đức và cấu trúc của Bộ luật Thương mại Đức

Cùng với sự hình thành và phát triển của hoạt

động mua bán hàng hóa, tầng lớp thương nhân ra đời như một lẽ tất nhiên nhằm thực hiện nghề thương mại - là việc trao đổi, mua bán hàng hóa từ người sản xuất đến người tiêu dùng, từ thị trường này sang thị trường khác với một khối lượng nhất định[1]. Khi những tập quán thương mại không còn đủ mạnh để điều chỉnh các quy tắc ứng xử, pháp luật thương mại ra đời, không chỉ để điều chỉnh hoạt động thương mại của thương nhân, mà còn xác định quy chế và địa vị pháp lý của thương nhân.

Vào thời kỳ Trung cổ, Đức được chia thành nhiều bang và khu tự trị với các quy định thương mại riêng biệt. Năm 1794, Bộ luật Chung các bang Phổ được ban hành, ghi nhận sớm nhất về thương nhân và hoạt động thương mại tại Phổ. Đến ngày 31/05/1861, Bộ luật Thương mại chung Liên bang Đức được thông qua, thống nhất các quy định thương mại, nhưng chưa đáp ứng đủ nhu cầu của một nền kinh tế toàn quốc sau khi Đức thống nhất vào năm 1871. Do đó, năm 1896, Bộ luật Thương mại Đức ra đời, chi tiết hóa quy định về thương nhân, hợp đồng, luật công ty và phá sản. Đến năm

1990, HGB được áp dụng rộng rãi và liên tục điều chỉnh để phù hợp với kinh tế thị trường hiện đại và quá trình toàn cầu hóa.

Cần nhấn mạnh rằng, hệ thống pháp luật Đức là hệ thống pháp luật châu Âu lục địa (Civil law) nên các văn bản quy phạm pháp luật của Đức mang những đặc điểm của trường phái Civil law, trong đó nguồn luật chủ yếu ở các quốc gia này là các văn bản quy phạm pháp luật đã được hệ thống hóa, có giá trị pháp lý cao như luật và bộ luật. Ngoài ra, các tư tưởng pháp luật, học thuyết chính trị và các nguyên tắc pháp luật cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển hệ thống pháp luật.

Mặt khác, hệ thống pháp luật của Đức có sự phân chia rõ ràng về luật công và luật tư, trong đó Bộ luật Dân sự được coi là văn bản pháp luật nền tảng trong hệ thống luật tư. Tuy nhiên, khác với một số quốc gia khác, pháp luật của Đức có sự phân định rõ ràng giữa pháp luật dân sự và pháp luật thương mại. Vì vậy, Bộ luật Thương mại Đức có cấu trúc đặc thù, xuất phát từ bản chất là luật của thương nhân, điều chỉnh các hoạt động của thương nhân.

Nói Bộ luật Thương mại Đức là “luật tư đặc biệt”[2], bởi đây là văn bản pháp lý điều chỉnh quan hệ giữa các cá nhân hoặc tổ chức trong xã hội, chủ yếu dựa trên nguyên tắc bình đẳng, tự do thỏa thuận và không có sự tham gia của các chủ thể mang tính chất công quyền. Đồng thời, Bộ luật Thương mại Đức được áp dụng chỉ trong lĩnh vực thương mại, với phạm vi điều chỉnh mang tính chuyên biệt và được ưu tiên áp dụng trong lĩnh vực thương mại. Cụ thể:

Thứ nhất, xét về vị trí của Bộ luật Thương mại Đức trong hệ thống pháp luật của Liên bang. Bộ luật Thương mại Đức không tồn tại riêng biệt bên cạnh Bộ luật Dân sự mà gắn với Bộ luật Dân sự, tạo thành một nhánh trong hệ thống luật tư đồ sộ, trong đó mối quan hệ giữa pháp luật dân sự và pháp luật thương mại là mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung. Cấu trúc của Bộ luật Thương mại Đức được xây dựng trên nền tảng của pháp luật dân sự, nhưng điều chỉnh thương nhân và các hoạt động đặc thù của thương nhân.

Thứ hai, xét về bản chất, các quy định của Bộ luật Thương mại Đức dựa trên nguyên tắc của luật tư như tự do giao kết, bình đẳng giữa các bên, song có những điều chỉnh phù hợp với đặc thù thương mại. Điều này có nghĩa, dù có sự can thiệp, quản lý của nhà nước trong các hoạt động thương mại, các quy định của HGB vẫn đảm bảo rằng các quan hệ giữa các thương nhân được đảm bảo điều chỉnh theo nguyên tắc công bằng và bình đẳng. Bên cạnh đó, pháp luật thương mại Đức được đánh giá là đề cao tính tự chịu trách nhiệm của thương nhân và hạn chế quyền kiểm soát của nhà nước. Vì vậy, cấu trúc Bộ luật Thương mại Đức tập trung vào các quy định về thương nhân và hoạt động thương mại, không quy định đến vấn đề quản lý nhà nước, kể cả xử lý vi phạm pháp luật.

3. Cấu trúc cơ bản của Bộ luật Thương mại Đức

3.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc áp dụng

Thứ nhất, xét về đối tượng áp dụng, Bộ luật Thương mại Đức không quy định cụ thể về đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh. Tuy nhiên, ngay Điều 1 của Bộ luật này đã khẳng định mối quan hệ mật thiết giữa thương nhân và hoạt động kinh doanh thương mại. Theo đó, đối tượng áp dụng của Bộ luật Thương mại Đức là thương nhân - những người tiến hành hoạt động thương mại. Đây cũng là đặc điểm để giới hạn phạm vi áp dụng của Bộ luật Thương mại Đức. Xuất phát từ lịch sử, Bộ luật Thương mại Đức ra đời với bản chất là luật của thương gia nên đối tượng là các thương gia (thương nhân). Có thể thấy, Bộ luật Thương mại Đức lấy chủ thể ra làm trung tâm điều chỉnh thay vì các hành vi thương mại đặc thù như Luật Thương mại Việt Nam.

Thứ hai, xét về phạm vi điều chỉnh, Bộ luật này điều chỉnh các hoạt động kinh doanh thương mại của thương nhân[3]. Một thương nhân được coi là có hoạt động kinh doanh thương mại khi quy mô của công việc kinh doanh đáp ứng các yêu cầu tối thiểu như có cơ sở (trụ sở giao dịch, cửa hiệu...) và đòi hỏi một mức độ tổ chức doanh nghiệp nhất định (số lượng nhân viên, quy mô vốn...)[4]. Đối chiếu theo quy định này, những hoạt động kinh doanh nhỏ

lẽ không chịu sự điều chỉnh của Bộ luật này. Tuy nhiên, Bộ luật Thương mại Đức tạo ra cơ chế bảo vệ những người có hoạt động này bằng cách cho phép họ tự nguyện đăng ký hoạt động kinh doanh thương mại trong sổ đăng ký thương mại. Khi có tên trong sổ đăng ký thương mại, những người kinh doanh nhỏ, lẽ này vẫn thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ luật Thương mại Đức và được đối xử bình đẳng như các đối tượng khác. Do đó, phạm vi điều chỉnh của Bộ luật Thương mại Đức rõ ràng, toàn diện và mang tính chuyên biệt.

Thứ ba, nguyên tắc áp dụng được quy định tại Điều 7 Quyển 1 Bộ luật Thương mại Đức. Theo đó, việc áp dụng các quy định của Bộ luật này đối với thương nhân sẽ không bị ảnh hưởng bởi các quy định pháp luật công. Trong các trường hợp có sự giao thoa giữa quy định của Bộ luật Thương mại Đức và Bộ luật Dân sự Đức, Bộ luật Thương mại Đức sẽ được ưu tiên áp dụng nếu giao dịch hoặc quan hệ đó thuộc lĩnh vực thương mại, bởi đây là luật tư chuyên biệt, được thiết kế đặc thù cho một phạm vi áp dụng cụ thể là các hoạt động thương mại.

3.2. *Bố cục của Bộ luật Thương mại Đức*

Ngày nay, Bộ luật Thương mại Đức được chia thành 05 quyển, mỗi quyển tập trung vào một lĩnh vực cụ thể của pháp luật thương mại. Trong đó:

(i) Quyển 1, từ Điều 1 đến Điều 104a, quy định về định nghĩa thương nhân, đăng ký kinh doanh trong sổ thương mại, quyền và nghĩa vụ của thương nhân và đại diện thương mại;

(ii) Quyển 2, từ Điều 105 đến Điều 237, điều chỉnh các loại hình công ty thương mại, bao gồm công ty hợp danh thương mại, công ty hợp danh hữu hạn và công ty hợp danh ẩn danh[5]. Trước đây, Bộ luật còn quy định về mô hình công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn, song Luật Công ty trách nhiệm hữu hạn Đức 1892 và Luật Công ty cổ phần Đức 1965 lần lượt ra đời, đánh dấu sự chuyên môn hóa và linh hoạt trong việc điều chỉnh các mối quan hệ pháp lý liên quan đến thương mại nói chung và doanh nghiệp nói riêng tại Đức.

(iii) Quyển 3, từ Điều 238 đến Điều 342c, quy định sổ sách kế toán và các yêu cầu về báo cáo tài chính của thương nhân, bao gồm: nghĩa vụ lưu giữ

sổ sách kế toán, lập báo cáo tài chính hàng năm và kiểm toán tài chính.

(iv) Quyển 4, từ Điều 343 đến Điều 475h, điều chỉnh về vận tải và giao thông thương mại, bao gồm vận tải đường biển và đường bộ;

(v) Quyển 5, từ Điều 476 đến hết, quy định về giao dịch thương mại hàng hải, bao gồm: quyền và nghĩa vụ của chủ tàu, thuyền viên và hành khách, vận tải hàng hải, bảo hiểm hàng hải, hợp đồng hàng hải và giải quyết tranh chấp trong vận tải đường biển.

Với cấu trúc chặt chẽ như trên, Bộ luật Thương mại Đức đến nay vẫn chưa lỗi thời dù đã ban hành cách đây nhiều thế kỷ. Có thể thấy, HGB đã và đang làm tốt trong việc điều chỉnh toàn diện các lĩnh vực đặc thù trong hoạt động thương mại với các quy định có tính hệ thống, chi tiết, các điều khoản được sắp xếp theo trình tự logic: từ các nguyên tắc cơ bản, đối tượng áp dụng đến các giao dịch cụ thể. Điều này không chỉ giúp tạo sự minh bạch và rõ ràng trong việc áp dụng pháp luật mà còn đảm bảo tính nhất quán trong các quan hệ thương mại. Nhờ vậy, Bộ luật Thương mại Đức luôn được xem là một trong những văn bản pháp luật mẫu mực và có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến các hệ thống pháp luật khác trên thế giới.

4. *Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*

Hiện nay, sau gần 20 năm ban hành, Luật Thương mại 2005 đã bộc lộ nhiều hạn chế, không còn phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của xã hội. Dưới góc độ so sánh giữa Bộ luật Thương mại Đức và Luật Thương mại 2005, có thể thấy được cấu trúc của Bộ luật Thương mại Đức có nhiều ưu điểm để Luật Thương mại 2005 có thể tham khảo, nhằm tạo ra một hành lang pháp lý thương mại hoàn chỉnh hơn, đồng thời khắc phục các hạn chế hiện tại của Luật Thương mại 2005.

Thứ nhất, mở rộng quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng. Hiện nay, Luật Thương mại năm 2005 điều chỉnh: (i) Hoạt động thương mại thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam; (ii) Hoạt động thương mại thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam trong trường hợp các bên thỏa thuận chọn áp dụng Luật này hoặc luật nước ngoài, Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam là thành viên có quy định áp dụng Luật này; (iii) Hoạt động không nhằm mục đích sinh lợi của một bên trong giao dịch với thương nhân thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam trong trường hợp bên không nhằm mục đích sinh lợi chọn áp dụng Luật này[6]; với 03 nhóm đối tượng bao gồm: Thương nhân hoạt động thương mại theo quy định tại Điều 1 của Luật này; Tổ chức, cá nhân khác hoạt động có liên quan đến thương mại; Cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên không phải đăng ký kinh doanh được Chính phủ quy định cụ thể[7]. Tuy nhiên, quy định này còn tồn tại nhiều hạn chế. Nhiều chủ thể kinh doanh và hoạt động thương mại mới ra đời, song chưa được quy định tại Luật Thương mại năm 2005. Để đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội, nhiều văn bản pháp luật khác được ban hành bù đắp cho sự thiếu sót trong phạm vi điều chỉnh của Luật Thương mại 2005, điển hình là Nghị định số 52/2013/NĐ-CP quy định về thương mại điện tử. Kết quả, các văn bản dẫn chiếu ngày càng đồ sộ, khiến cho Luật Thương mại 2005 chỉ mang tính dẫn chiếu, mất đi giá trị cốt lõi là điều chỉnh toàn diện lĩnh vực thương mại. Hơn nữa, các văn bản pháp luật được dẫn chiếu này có giá trị pháp lý không cao, không đảm bảo tính ràng buộc như một văn bản luật được Quốc hội ban hành.

Trong khi đó, Bộ luật Thương mại Đức nêu ra hai tiêu chí để hoạt động thương mại nằm trong phạm vi điều chỉnh của Bộ luật này, đó là (i) đáp ứng các điều kiện về quy mô tổ chức và (ii) có tên trong sổ đăng ký thương mại. Có thể thấy, hiệu lực áp dụng các quy định của Bộ luật Thương mại Đức không phụ thuộc vào các hoạt động thương mại (mặt khách quan), mà phụ thuộc vào địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia (chủ thể) trong các giao dịch liên quan. Điều này có nghĩa khi xã hội phát triển, ngày càng có nhiều hoạt động thương mại mới thì giá trị pháp lý của những quy định thương mại đã ban hành không mất đi hiệu lực của nó, vì bản chất Bộ luật Thương mại Đức lấy đối tượng thay vì hành vi thương mại làm trung tâm.

Có thể thấy, việc lấy hành vi làm trung tâm đã hạn chế cơ hội mở rộng và đổi mới trong việc thực hiện các hoạt động thương mại cũng như pháp luật

thương mại Việt Nam. Vì vậy, Luật Thương mại nên mở rộng phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng để phù hợp hơn với sự phát triển của xã hội và bao quát hết các lĩnh vực thương mại. Về điểm này, Luật Thương mại Việt Nam có thể tham khảo HGB ở việc không giới hạn các hoạt động thương mại bằng cách liệt kê mà đưa ra các tiêu chí để nhận diện một hoạt động thương mại cụ thể, bởi xét về bản chất, các quy phạm pháp luật còn mang tính dự đoán. Khi ấy, các chủ thể có liên quan sẽ dễ dàng nhận diện, từ đó kịp thời điều chỉnh những hành vi đó cho phù hợp với pháp luật.

Thứ hai, tái cấu trúc Luật Thương mại 2005. Luật Thương mại 2005 có 9 chương gồm 324 điều luật. Chương 1 gồm các quy định chung, đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại. Chương 2 đến chương 5 quy định về các hoạt động thương mại cụ thể: mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, xúc tiến thương mại, trung gian thương mại... Chương 6 bao gồm một số hoạt động thương mại khác như: logistics; gia công; đấu giá, đấu thầu; nhượng quyền thương mại... Chương 7 là các chế tài trong thương mại và giải quyết tranh chấp trong thương mại. Chương 8 quy định về xử lý vi phạm pháp luật thương mại và chương 9 là hiệu lực thi hành.

Kết cấu trên cho thấy văn bản này phần nhiều xoay quanh các hoạt động thương mại cụ thể, tập trung giải thích và hướng dẫn về các hoạt động thương mại, còn các vấn đề pháp lý về thương nhân lại được quy định trong các văn bản pháp luật khác. Đồng thời, có nhiều nội dung xuất hiện không chỉ trong Luật Thương mại mà còn xuất hiện trong cả các luật khác vẫn đang còn hiệu lực. Cụ thể: Mục 3 Chương VI quy định về đấu thầu hàng hóa dịch vụ thì hiện nay đã có Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 điều chỉnh các hoạt động liên quan đến đấu thầu; đồng thời tồn tại các quy định về quảng cáo thương mại trong Luật Thương mại năm 2005 và các quy định về quảng cáo với mục đích sinh lợi được quy định trong Luật Quảng cáo năm 2012... Điều này dẫn tới tình trạng chồng chéo, khác biệt, thậm chí là mâu thuẫn trong các quy định hiện hành, ảnh hưởng đến tính khả thi của hệ thống các văn bản pháp luật đang còn hiệu lực[8].

Trong khi đó, ở Đức, các hoạt động thương mại và chủ thể thực hiện các hoạt động đều được quy định trong HGB; ngoài ra không có các văn bản pháp luật khác quy định vấn đề này. Việc tập trung các quy định về hoạt động thương mại và các chủ thể liên quan trong một văn bản duy nhất là Bộ luật Thương mại Đức giúp đảm bảo tính thống nhất và tránh tình trạng chồng chéo, xung đột pháp luật. Người sử dụng luật dễ dàng tra cứu và áp dụng mà không cần phải tham khảo nhiều văn bản khác nhau.

Từ việc phân tích Bộ luật Thương mại Đức, có thể rút ra một số bài học cho việc tái cấu trúc Luật Thương mại Việt Nam. *Một là*, cấu trúc Luật Thương mại nên được tích hợp toàn diện các quy định trong một văn bản pháp luật thống nhất. Đối với Việt Nam, Luật Thương mại Việt Nam 2005 nên được tái cấu trúc để đồng bộ quy định về thương nhân và các hoạt động thương mại thay vì chỉ dẫn chiếu đến các văn bản pháp luật khác. *Hai là*, xác định rõ tính chất của mối quan hệ giữa thương nhân và hoạt động thương mại. Từ đó, một

số hoạt động thương mại phải đưa ra khỏi cấu trúc do đã có luật chuyên ngành khác điều chỉnh, tránh sự chồng chéo giữa các văn bản pháp luật. *Ba là*, giảm thiểu sự tham gia của các cơ quan nhà nước trong Luật Thương mại. Các nhà làm luật cần xác định, bản chất của Luật Thương mại là luật tư, vì vậy, trong Luật Thương mại, các nhà làm luật cần hạn chế quy định sự can thiệp trực tiếp của nhà nước vào các giao dịch thương mại giữa các bên. Thay vào đó, các bên cần được tự do thỏa thuận trong các giao dịch thương mại, trừ khi có sự vi phạm về pháp luật hoặc đạo đức, phong tục, tập quán thương mại.

5. Kết luận

Qua việc tìm hiểu và nghiên cứu Bộ luật Thương mại Đức, nhóm tác giả nhận thấy việc sửa đổi Luật Thương mại Việt Nam 2005 là cần thiết. Bên cạnh đó, Việt Nam có thể học hỏi cấu trúc Bộ luật Thương mại Đức nhằm xây dựng một hệ thống pháp luật chặt chẽ, toàn diện và phù hợp hơn với xu hướng phát triển hiện đại, đồng thời đáp ứng nhu cầu thực tiễn của Việt Nam ■

Bài báo được thực hiện trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên về “Cấu trúc Luật Thương mại ở một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam” của Trường Đại học Luật Hà Nội.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

- [1] Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam. Tập 1, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.9.
- [2] Lê Thị Lợi (2011), Tổng quan về pháp luật thương mại Cộng hòa Liên bang Đức, Tạp chí Luật học, Đặc san 9/2011, tr.1.
- [3] Khoản 2 Điều 1 Quyển 1 Bộ luật Thương mại Đức.
- [4] Quốc hội (2020), Kinh nghiệm xây dựng Luật Thương mại của Đức, <http://tailieu.quochoi.vn:8080/index.php/tin-tuc/tin-tuc-ho-tro-boi-duong/item/1670-kinh-nghi-m-xay-d-ng-lu-t-thuong-m-i-c-a-d-c>, truy cập ngày 20/10/2024.
- [5] Trần Quỳnh Anh (2012), Tìm hiểu pháp luật công ty của Cộng hòa Liên bang Đức, Nghiên cứu châu Âu, European studies review No1 (136), tr.30 - 33.
- [6] Điều 2 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi năm 2017).
- [7] Điều 3 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi năm 2017).
- [8] Nguyễn Thị Dung (2021), “Cấu trúc của Luật Thương mại và định hướng hoàn thiện trong bối cảnh pháp lý hiện nay”, Kỷ yếu hội thảo cấp khoa: Luật Thương mại 2005 - Thực tiễn thi hành và yêu cầu sửa đổi trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr.4.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quốc hội (2005), Luật số 36/2005/QH11 ban hành ngày 14/6/2005. Luật Thương mại.
2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam. Tập 1, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
3. Quốc hội (2020), Kinh nghiệm xây dựng Luật Thương mại của Đức, <http://tailieu.quochoi.vn:8080/index.php/tin-tuc/tin-tuc-ho-tro-boi-duong/item/1670-kinh-ngghi-m-xay-d-ng-lu-t-thuong-m-i-c-a-d-c>, truy cập ngày 20/10/2024;
4. Nguyễn Thị Dung (2021), “Cấu trúc của Luật Thương mại và định hướng hoàn thiện trong bối cảnh pháp lý hiện nay”, Kỷ yếu hội thảo cấp khoa học: Luật Thương mại 2005 - Thực tiễn thi hành và yêu cầu sửa đổi trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr.4;
5. Lê Thị Lợi (2011), Tổng quan về pháp luật thương mại Cộng hòa Liên bang Đức, Tạp chí Luật học, Đặc san tháng 9/2011.
6. Trần Quỳnh Anh (2012), Tìm hiểu pháp luật công ty của Cộng hòa Liên bang Đức, Nghiên cứu châu Âu, European studies review No1 (136).

Ngày nhận bài: 15/11/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 29/11/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 16/12/2024

THE STRUCTURE OF THE GERMAN COMMERCIAL LAW AND RECOMMENDATIONS FOR VIETNAMESE COMMERCIAL LAW 2005

● **PHAN THI LINH GIANG¹**

● **PHAN MAI ANH¹**

¹Hanoi Law University

ABSTRACT:

This paper examines the structure of the German Commercial Law, analyzing its underlying logic and practical effectiveness. Based on the paper's analysis, some recommendations are proposed for refining the structural framework of the Vietnamese Commercial Law 2005 to enhance its coherence and applicability.

Keywords: commercial law's structure, restructure, Germany's Commercial Law, Vietnam's Commercial Law 2005.